

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 08 NĂM 2026**

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán EVS xin báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 08 năm 2026 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	ALT			ALT
3	AMC			AMC
4	AME			AME
5	ARM			ARM
6	ATS			ATS
7	BAB			BAB
8	BAX			BAX
9	BBS			BBS
10	BCF			BCF
11	BED			BED
12	BKC			BKC
13	BPC			BPC
14	BTW			BTW
15	BVS			BVS
16	BXH			BXH
17	C69			C69
18	CAG			CAG
19	CAP			CAP
20	CAR			CAR
21	CCR			CCR
22	CDN			CDN
23	CEO			CEO
24	CIA			CIA
25	CJC			CJC
26	CKV			CKV
27	CLH			CLH
28	CLM			CLM
29	CMS			CMS
30	CPC			CPC
31	CSC			CSC
32	CST			CST
33	CTB			CTB
34	CTP			CTP
35	CTT			CTT
36	D11			D11

37	DAD			DAD
38	DC2			DC2
39	DHT			DHT
40	DIH			DIH
41	DL1			DL1
42	DNC			DNC
43	DNP			DNP
44	DP3			DP3
45	DST			DST
46	DTD			DTD
47	DTG			DTG
48	DTK			DTK
49	DXP			DXP
50	EBS			EBS
51	EID			EID
52	GDW			GDW
53	GIC			GIC
54	GLT			GLT
55	GMA			GMA
56	GMX			GMX
57	HAD			HAD
58	HAT			HAT
59	HCC			HCC
60	HDA			HDA
61	HGM			HGM
62	HHC			HHC
63	HJS			HJS
64	HKT			HKT
65	HLC			HLC
66	HLD			HLD
67	HMH			HMH
68	HMR			HMR
69	HTC			HTC
70	HUT			HUT
71	HVT			HVT
72	ICG			ICG
73	IDC			IDC
74	IDV			IDV
75	INC			INC
76	INN			INN
77	IPA			IPA
78	ITQ			ITQ
79	IVS			IVS
80	KHS			KHS
81	KKC			KKC
82	KMT			KMT
83	KSF			KSF
84	KST			KST
85	KSV			KSV
86	KTS			KTS
87	L14			L14
88	L18			L18
89	L40			L40
90	LAS			LAS
91	LBE			LBE
92	LHC			LHC
93	MAC			MAC
94	MBG			MBG
95	MBS			MBS

96	MCC			MCC
97	MCF			MCF
98	MCO			MCO
99	MDC			MDC
100	MEL			MEL
101	MIC			MIC
102	MKV			MKV
103	MST			MST
104	MVB			MVB
105	NAG			NAG
106	NAP			NAP
107	NBC			NBC
108	NBW			NBW
109	NDN			NDN
110	NDX			NDX
111	NET			NET
112	NFC			NFC
113	NHC			NHC
114	NSH			NSH
115	NST			NST
116	NTH			NTH
117	NTP			NTP
118	ONE			ONE
119	PBP			PBP
120	PCE			PCE
121	PCH			PCH
122	PCT			PCT
123	PDB			PDB
124	PGS			PGS
125	PHN			PHN
126	PIA			PIA
127	PIC			PIC
128	PJC			PJC
129	PLC			PLC
130	PMB			PMB
131	PMC			PMC
132	PMP			PMP
133	PMS			PMS
134	POT			POT
135	PPP			PPP
136	PPS			PPS
137	PPT			PPT
138	PPY			PPY
139	PRC			PRC
140	PRE			PRE
141	PSC			PSC
142	PSD			PSD
143	PSE			PSE
144	PSI			PSI
145	PSW			PSW
146	PTI			PTI
147	PTS			PTS
148	PTX			PTX
149	PVB			PVB
150	PVC			PVC
151	PVG			PVG
152	PVI			PVI
153	PVS			PVS
154	QHD			QHD

155	QST			QST
156	RCL			RCL
157	S55			S55
158	S99			S99
159	SAF			SAF
160	SCG			SCG
161	SCI			SCI
162	SD5			SD5
163	SD9			SD9
164	SDN			SDN
165	SEB			SEB
166	SED			SED
167	SFN			SFN
168	SGC			SGC
169	SGH			SGH
170	SHE			SHE
171	SHN			SHN
172	SHS			SHS
173	SJ1			SJ1
174	SJE			SJE
175	SLS			SLS
176	SMN			SMN
177	STC			STC
178	STP			STP
179	SVN			SVN
180	SZB			SZB
181	TA9			TA9
182	TD6			TD6
183	TDT			TDT
184	TET			TET
185	TFC			TFC
186	THB			THB
187	THD			THD
188	THS			THS
189	THT			THT
190	TIG			TIG
191	TJC			TJC
192	TKU			TKU
193	TMB			TMB
194	TMC			TMC
195	TMX			TMX
196	TNG			TNG
197	TOT			TOT
198	TPP			TPP
199	TTC			TTC
200	TTL			TTL
201	TTT			TTT
202	TV3			TV3
203	TV4			TV4
204	TVC			TVC
205	TVD			TVD
206	V12			V12
207	V21			V21
208	VBC			VBC
209	VC1			VC1
210	VC3			VC3
211	VC6			VC6
212	VC7			VC7
213	VCC			VCC

214	VCM			VCM
215	VCS			VCS
216	VDL			VDL
217	VFS			VFS
218	VGP			VGP
219	VGS			VGS
220	VHE			VHE
221	VIF			VIF
222	VLA			VLA
223	VMS			VMS
224	VNC			VNC
225	VNF			VNF
226	VNR			VNR
227	VSA			VSA
228	VSM			VSM
229	VTC			VTC
230	VTH			VTH
231	VTZ			VTZ
232	WCS			WCS
233	WSS			WSS
234	X20			X20
235	CMC	CMC		
236	DVM	DVM		
237	KDM	KDM		
238	KSD	KSD		
239	LIG	LIG		
240	TSB	TSB		

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1			GEL	GEL
2			GHC	GHC
3			HPA	HPA
4			TIX	TIX
5			TSA	TSA
6	AAA			AAA
7	AAM			AAM
8	ABR			ABR
9	ABT			ABT
10	ACB			ACB
11	ACC			ACC
12	ACG			ACG
13	ACL			ACL
14	ADG			ADG
15	ADP			ADP
16	ADS			ADS
17	AFX			AFX
18	AGG			AGG
19	AGR			AGR
20	ANT			ANT
21	ANV			ANV
22	ASG			ASG

23	ASM			ASM
24	AST			AST
25	BAF			BAF
26	BCE			BCE
27	BCM			BCM
28	BFC			BFC
29	BHN			BHN
30	BIC			BIC
31	BID			BID
32	BKG			BKG
33	BMC			BMC
34	BMP			BMP
35	BRC			BRC
36	BSI			BSI
37	BSR			BSR
38	BTP			BTP
39	BTT			BTT
40	BVH			BVH
41	BWE			BWE
42	C32			C32
43	C47			C47
44	CCC			CCC
45	CCI			CCI
46	CCL			CCL
47	CDC			CDC
48	CHP			CHP
49	CII			CII
50	CKG			CKG
51	CLC			CLC
52	CLL			CLL
53	CLW			CLW
54	CMG			CMG
55	CMV			CMV
56	CNG			CNG
57	COM			COM
58	CRC			CRC
59	CRE			CRE
60	CRV			CRV
61	CSM			CSM
62	CSV			CSV
63	CTD			CTD
64	CTF			CTF
65	CTG			CTG
66	CTI			CTI
67	CTR			CTR
68	CTS			CTS
69	CVT			CVT
70	D2D			D2D
71	DAT			DAT
72	DBC			DBC
73	DBD			DBD
74	DBT			DBT
75	DC4			DC4
76	DCL			DCL
77	DCM			DCM
78	DGW			DGW
79	DHA			DHA
80	DHC			DHC
81	DHG			DHG

82	DHM			DHM
83	DIG			DIG
84	DMC			DMC
85	DPG			DPG
86	DPM			DPM
87	DPR			DPR
88	DRC			DRC
89	DRL			DRL
90	DSC			DSC
91	DSE			DSE
92	DSN			DSN
93	DTT			DTT
94	DVP			DVP
95	DXG			DXG
96	DXS			DXS
97	EIB			EIB
98	ELC			ELC
99	EVE			EVE
100	EVF			EVF
101	EVG			EVG
102	FCM			FCM
103	FCN			FCN
104	FDC			FDC
105	FIR			FIR
106	FIT			FIT
107	FMC			FMC
108	FPT			FPT
109	FRT			FRT
110	FTS			FTS
111	GAS			GAS
112	GEE			GEE
113	GEG			GEG
114	GEX			GEX
115	GIL			GIL
116	GMD			GMD
117	GMH			GMH
118	GSP			GSP
119	GTA			GTA
120	GVR			GVR
121	HAG			HAG
122	HAH			HAH
123	HAR			HAR
124	HAX			HAX
125	HCD			HCD
126	HCM			HCM
127	HDB			HDB
128	HDC			HDC
129	HDG			HDG
130	HHP			HHP
131	HHS			HHS
132	HHV			HHV
133	HII			HII
134	HMC			HMC
135	HNA			HNA
136	HPG			HPG
137	HPX			HPX
138	HQC			HQC
139	HRC			HRC
140	HSG			HSG

141	HSL			HSL
142	HT1			HT1
143	HTG			HTG
144	HTI			HTI
145	HTL			HTL
146	HTN			HTN
147	HTV			HTV
148	HU1			HU1
149	HUB			HUB
150	HVH			HVH
151	ICT			ICT
152	IDI			IDI
153	IJC			IJC
154	ILB			ILB
155	IMP			IMP
156	ITC			ITC
157	KBC			KBC
158	KDC			KDC
159	KDH			KDH
160	KHG			KHG
161	KHP			KHP
162	KLB			KLB
163	KMR			KMR
164	KOS			KOS
165	KSB			KSB
166	L10			L10
167	LAF			LAF
168	LBM			LBM
169	LCG			LCG
170	LGC			LGC
171	LGL			LGL
172	LHG			LHG
173	LIX			LIX
174	LM8			LM8
175	LPB			LPB
176	LSS			LSS
177	MBB			MBB
178	MCH			MCH
179	MCM			MCM
180	MHC			MHC
181	MIG			MIG
182	MSB			MSB
183	MSH			MSH
184	MSN			MSN
185	MWG			MWG
186	NAB			NAB
187	NAF			NAF
188	NAV			NAV
189	NBB			NBB
190	NCT			NCT
191	NHH			NHH
192	NHT			NHT
193	NKG			NKG
194	NLG			NLG
195	NNC			NNC
196	NO1			NO1
197	NSC			NSC
198	NT2			NT2
199	NTC			NTC

200	NTL			NTL
201	NVL			NVL
202	OCB			OCB
203	OPC			OPC
204	ORS			ORS
205	PAC			PAC
206	PAN			PAN
207	PC1			PC1
208	PDN			PDN
209	PDR			PDR
210	PDV			PDV
211	PET			PET
212	PGC			PGC
213	PGD			PGD
214	PGI			PGI
215	PGV			PGV
216	PHC			PHC
217	PHR			PHR
218	PJT			PJT
219	PLP			PLP
220	PLX			PLX
221	PNC			PNC
222	PNJ			PNJ
223	POW			POW
224	PPC			PPC
225	PTB			PTB
226	PTC			PTC
227	PVD			PVD
228	PVP			PVP
229	PVT			PVT
230	QCG			QCG
231	QNP			QNP
232	RAL			RAL
233	REE			REE
234	RYG			RYG
235	S4A			S4A
236	SAB			SAB
237	SAM			SAM
238	SAV			SAV
239	SBA			SBA
240	SBG			SBG
241	SBT			SBT
242	SC5			SC5
243	SCR			SCR
244	SCS			SCS
245	SFC			SFC
246	SFG			SFG
247	SFI			SFI
248	SGN			SGN
249	SGR			SGR
250	SGT			SGT
251	SHA			SHA
252	SHB			SHB
253	SHI			SHI
254	SHP			SHP
255	SIP			SIP
256	SJD			SJD
257	SJS			SJS
258	SKG			SKG



259	SMB			SMB
260	SMC			SMC
261	SRC			SRC
262	SRF			SRF
263	SSB			SSB
264	SSC			SSC
265	SSI			SSI
266	STB			STB
267	STK			STK
268	SVC			SVC
269	SVT			SVT
270	SZC			SZC
271	SZL			SZL
272	TAL			TAL
273	TBC			TBC
274	TCB			TCB
275	TCH			TCH
276	TCI			TCI
277	TCL			TCL
278	TCM			TCM
279	TCO			TCO
280	TCT			TCT
281	TCX			TCX
282	TDC			TDC
283	TDG			TDG
284	TDM			TDM
285	TDP			TDP
286	TDW			TDW
287	TEG			TEG
288	THG			THG
289	TIP			TIP
290	TLD			TLD
291	TLG			TLG
292	TMP			TMP
293	TMS			TMS
294	TN1			TN1
295	TNI			TNI
296	TNT			TNT
297	TPB			TPB
298	TPC			TPC
299	TRA			TRA
300	TRC			TRC
301	TTA			TTA
302	TTE			TTE
303	TV2			TV2
304	TVB			TVB
305	TVS			TVS
306	TVT			TVT
307	TYA			TYA
308	UIC			UIC
309	VAB			VAB
310	VCB			VCB
311	VCF			VCF
312	VCG			VCG
313	VCI			VCI
314	VCK			VCK
315	VDP			VDP
316	VDS			VDS
317	VFG			VFG

318	VGC			VGC
319	VHC			VHC
320	VHM			VHM
321	VIB			VIB
322	VIC			VIC
323	VIP			VIP
324	VIX			VIX
325	VJC			VJC
326	VND			VND
327	VNG			VNG
328	VNL			VNL
329	VNM			VNM
330	VNS			VNS
331	VOS			VOS
332	VPB			VPB
333	VPD			VPD
334	VPI			VPI
335	VPL			VPL
336	VPS			VPS
337	VPX			VPX
338	VRC			VRC
339	VRE			VRE
340	VSC			VSC
341	VSH			VSH
342	VSI			VSI
343	VTO			VTO
344	VTP			VTP
345	VVS			VVS
346	YEG			YEG
347	AAT	AAT		
348	MCP	MCP		
349	NHA	NHA		
350	SMA	SMA		
351	VID	VID		
352	VTB	VTB		

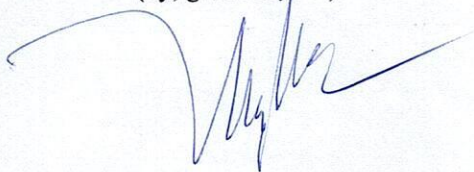
Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.eves.com.vn/files/WebFlie/PDF/BCKQ/EVS_BC_Thang_DMChungKhoanGDKQ_Thang08.2026_VNX.pdf

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

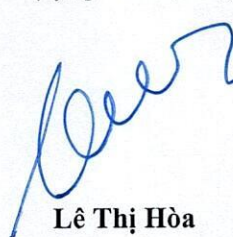
Kính báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Vũ Thùy Linh

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hòa

Tổng Giám Đốc
(ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
Vũ Thị Thanh Hằng